

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2019/DS-PT

Ngày 30 - 5 - 2019

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Túy Giang

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Lệ Kiều

Ông Trương Thanh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2019/TLPT-DS ngày 09 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2019/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 66/2019/QĐ-PT ngày 13 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1953; cư trú tại: Ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn:* Ông Ngô Hồng V, sinh năm 1953; cư trú tại: Ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Hoàng K, sinh năm 1977.

2. Anh Nguyễn Hoàng P (H), sinh năm 1979.

3. Chị Nguyễn Thị Thanh T (Ngọc D), sinh năm 1981.

Cùng cư trú tại: Ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Hoàng K, anh Nguyễn Hoàng P (H), chị Nguyễn Thị Thanh T (Ngọc D): Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm

1953; cư trú tại: Ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (Theo các Giấy ủy quyền cùng ngày 02/10/2017).

4. Bà Võ Thị S1, sinh năm 1953; cư trú tại: Ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị S1: Ông Ngô Hồng V, sinh năm 1953; cư trú tại: Ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (Theo Giấy ủy quyền ngày 16/01/2019).

5. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1961; cư trú tại: Ấp V, xã T, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

6. Chị Nguyễn Thu A, sinh năm 1964; cư trú tại: Ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

7. Chị Nguyễn Lệ T, sinh năm 1969; cư trú tại: Ấp C, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

8. Chị Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1979; cư trú tại: Ấp B, xã A, huyện T, tỉnh Long An.

9. Anh Nguyễn Quốc T, sinh năm 1981; cư trú tại: Ấp V, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

10. Chị Nguyễn Thị Ngọc G, sinh năm 1984; cư trú tại: Khóm T, Phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

11. Chị Nguyễn Bé T (Nguyễn Thị Phương M), sinh năm 1969.

12. Anh Nguyễn Thành T, sinh năm 1991.

13. Chị Nguyễn Thu T, sinh năm 1993.

Cùng cư trú tại: Ấp C, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thu A, chị Nguyễn Lệ T, chị Nguyễn Ngọc H, anh Nguyễn Quốc T, chị Nguyễn Thị Ngọc G, chị Nguyễn Bé T (Nguyễn Thị Phương M), anh Nguyễn Thành T, chị Nguyễn Thu T: Chị Nguyễn Bạch T1, sinh năm 1970; cư trú tại: Ấp C, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (Theo Giấy ủy quyền ngày 27/11/2018).

14. Chị Nguyễn Bạch T1, sinh năm 1970; cư trú tại: Ấp C, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

15. Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Trụ sở: Ấp C, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Uông Văn T - Chủ tịch Ủy ban thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin vắng mặt).

16. Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Trụ sở: Ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Từ Minh P - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ.

(Bà Nguyễn Thị Đ, ông Ngô Hồng V, chị Nguyễn Bạch T1 có mặt tại phiên tòa; các đương sự còn lại vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 6 năm 2017 và các lời khai tại Tòa án, bà Nguyễn Thị Đ là nguyên đơn và là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hoàng K, Nguyễn Hoàng P (H) và Nguyễn Thị Thanh T (Ngọc D) trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế có diện tích 1.450m² đất trồng lúa; tọa lạc tại Ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu là của mẹ bà Đ là cụ Ngô Thị S2 khai phá và vào năm 1980 cụ S2 đã cho bà Đ diện tích đất trên. Khi cụ S2 cho bà Đ diện tích đất trên thì không có lập văn bản, giấy tờ, chỉ cho bằng lời nói và cũng không có hợp mặt các anh, chị, em trong gia đình, nhưng có chị bà Đ là bà Nguyễn Thị S3 và anh rể thứ hai của bà Đ là ông Phan Văn N cùng ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn T biết do những người này thấy bà Đ canh tác đất sau khi được cho. Bà Đ canh tác phần đất trên từ khi được cho đến năm 1992 thì cho anh ruột của bà Đ là ông Nguyễn Thái S mượn canh tác. Đến năm 2007, ông S chết thì bà Đ tiếp tục cho vợ ông S là bà Nguyễn Thị T mượn canh tác và đến năm 2010 thì em út của bà Đ là ông Nguyễn Thái D cùng canh tác phần đất trên với bà T để lấy lúa ăn. Năm 2014, bà Đ phát hiện ông Nguyễn Hồng V canh tác đất, bà Đ hỏi thì ông V cho biết bà T đã bán cho ông V nên đến năm 2015 bà Đ yêu cầu Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu hòa giải nhưng không thành. Khi Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu hòa giải thì bà Đ biết phần đất tranh chấp trên ông V đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1694, tờ bản đồ số 10 do Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 17 tháng 6 năm 2014. Nay bà Đ yêu cầu ông V giao trả phần đất trên cho bà Đ.

Ông Ngô Hồng V là bị đơn và là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Thị S1 trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp giữa ông V và bà Đ là của bà T và ông S. Vào năm 2010, sau khi ông S chết, bà T chuyển nhượng diện tích trên cho ông V và bà Võ Thị S1 với giá 15.000.000 đồng. Do khi nhận chuyển nhượng, phần đất trên là biển bãi, chỉ có một phần đất khoảng 600m² trồng, không đo đạc, chỉ lập giấy tay. Đến năm 2013, ông V san lấp và khai phá phần đất mới được diện tích đất tổng cộng hơn 1.400m² nên vào năm 2014 ông V được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2015, bà Đ là em chồng bà T cho rằng phần đất tranh chấp là của cha mẹ bà Đ cho bà Đ và bà Đ cho bà T mượn, không phải đất của bà T nên bà Đ yêu cầu ông V trả đất, ông V không đồng ý nên xảy ra tranh chấp. Nay ông V và bà S1 không đồng ý giao trả diện tích đất tranh chấp nêu trên cho bà Đ theo yêu cầu khởi kiện của bà Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Bạch T1 và là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn

Văn H, Nguyễn Thu A, Nguyễn Lệ T, Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Quốc T, Nguyễn Thị Ngọc G, Nguyễn Bé T (Nguyễn Thị Phương M), Nguyễn Thành T, Nguyễn Thu T trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của bà nội chị T1 là cụ S2 cho cha mẹ chị T1 là ông S và bà T, ông S và bà T canh tác hơn 40 năm. Do gia đình không có điều kiện nên khi ông S chết, bà T không canh tác đất nổi đã cho chú út chị T1 là ông Nguyễn Thái D mượn canh tác và ông D cho bà T gao hoặc tiền. Bà Đ chưa từng canh tác phần đất này thời gian nào do phần đất này là của gia đình chị T1. Khi bà T bệnh, thì ông D kêu bà T chuyển nhượng phần đất này để chữa bệnh nên bà T chuyển nhượng phần đất này cho ông V và ông D có lo giấy tờ cho bà T. Khi bà T chuyển nhượng đất cho ông V thì bà Đ không có ý kiến, không có ngăn cản và tại thời điểm đó, bà Đ còn xin bà T phần đất dư gần đó. Nay chị T1 đại diện cho những người thừa kế của ông S và bà T không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà Đ. Trong trường hợp có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Đ, thì chị T1 không đồng ý bồi hoàn giá trị chuyển nhượng cho ông V do phần đất này là của ông S và bà T.

Theo người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu trình bày: Phần đất tại thửa 1694, tờ bản đồ số 10 đất tọa lạc tại Ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu sổ mục kê ghi là “Ủy ban xã” nhưng từ trước đến nay Ủy ban nhân dân thị trấn không quản lý phần đất này vào quỹ đất công của xã. Nguồn gốc đất này trước đây là đất biển bãi, gia đình bà T khai phá sử dụng, sau đó bán lại cho ông V sử dụng, đến năm 2013 ông V làm thủ tục xin đăng ký quyền sử dụng đất. Ủy ban nhân dân thị trấn có xác nhận nguồn gốc đất, còn việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do Ủy ban nhân dân huyện quyết định. Sau khi Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V, vào năm 2015 bà Đ có đơn yêu cầu tranh chấp quyền sử dụng đất với ông V, được Ủy ban nhân dân thị trấn hòa giải nhưng không thành và sau đó, bà Đ khởi kiện tại Tòa án. Nay Ủy ban nhân dân thị trấn không có yêu cầu gì đối với phần đất nêu trên.

Theo người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu trình bày: Phần đất tranh chấp giữa bà Đ và ông V có diện tích đo đạc thực tế 1.450m² thuộc thửa 1694, tờ bản đồ số 10 đã được Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V vào ngày 17 tháng 4 năm 2014, diện tích cấp giấy 1.448,8m² đất chuyên trồng lúa nước. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là theo thủ tục đăng ký mới, căn cứ Luật Đất đai năm 2003, thời điểm cấp giấy có đo đạc thực tế và đến nay chưa có cấp đổi giấy chứng nhận. Thửa 1694, tờ bản đồ số 10 nêu trên được tách từ một phần thửa 386, tờ bản đồ số 10, sổ mục kê ghi là “Ủy ban xã”, Ủy ban nhân dân huyện kiến nghị Tòa án nhân dân huyện V làm việc với Ủy ban nhân dân thị trấn C để làm rõ lý do tách thửa và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 28/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ đối với ông Ngô Hồng V về việc yêu cầu ông Ngô Hồng V giao trả diện tích đất trồng lúa 1.450m² thuộc thửa số 1694, tờ bản đồ số 10; tọa lạc tại Ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 498626 (Số vào sổ cấp GCN: CH02427) do Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp cho ông Ngô Hồng V vào ngày 17 tháng 4 năm 2011 (có tuyên tứ cạnh).

2. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), đã dự nộp và chi phí hết.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, Luật thi hành án trong giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 14 tháng 3 năm 2019, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm thẩm tra hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Ngô Hồng V tại thửa 1694, tờ bản đồ số 10, tọa lạc ấp X, thị trấn C và xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu ông V trả bà Đ phần đất qua đo đạc thực tế có diện tích 1.450m² thuộc thửa số 1694, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại Ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Hội đồng xét xử xét thấy:

[3] Xét nguồn gốc đất tranh chấp: Các đương sự thống nhất nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cụ S2 (mẹ của bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Thái S, ông Nguyễn Thái D) đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố Tụng dân sự năm 2015.

[4] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà Đ cung cấp người làm chứng là bà Nguyễn Kim S3, ông Phan Văn N ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn T.

[5] Thấy rằng, bà S3 và ông N là người thân thích của bà Đ nên lời khai không đảm bảo sự khách quan và bà S3, ông N cũng khai thấy bà Đ canh tác phần đất tranh chấp năm 1992. Mặt khác, tại Biên bản lấy lời khai ngày 18/5/2018 (bút lục 84 - 85) bà S3 xác định khi cụ S2 cho đất bà Đ thì có hợp gia

đình, có đủ mặt anh, chị, em, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm bà Đ xác định khi cụ S2 cho bà Đ diện tích đất tranh chấp thì không có hợp mặt anh, chị, em trong gia đình. Do đó, lời khai của bà S3 có sự mâu thuẫn với lời khai của bà Đ và cũng hoàn toàn mâu thuẫn với lời khai của ông Nguyễn Thái D (là em út của bà S3, bà Đ và ông S) (bút lục 199 - 200). Ông D xác định cụ S2 cho ông S phần đất tranh chấp vào năm 1968 và ông D là người trực tiếp chứng kiến việc cho đất này do tại thời điểm đó ông D sống chung với cụ S2.

[6] Đối với ông Nguyễn Văn H tại Biên bản lấy lời khai ngày 18/5/2018 (bút lục 82) xác định nguồn gốc đất tranh chấp giữa bà Đ và ông V là của cụ S2 cho bà Đ, nhưng ông H cũng xác định ông H không trực tiếp chứng kiến việc cho đất mà chỉ nghe cụ S2 và bà Đ nói lại; ông Nguyễn Văn T tại Biên bản lấy lời khai ngày 25/01/2019 (bút lục 197 - 198) xác định không biết nguồn gốc đất tranh chấp là của ai, ông biết bà Đ có canh tác phần đất này vào khoảng năm 1983 - 1989 là vì khoảng thời gian này ông có thuê đất canh tác gần phần đất tranh chấp nên biết. Như vậy, ông H và ông T không trực tiếp chứng kiến được việc cụ S2 cho bà Đ phần đất tranh chấp.

[7] Xét quá trình sử dụng phần đất tranh chấp: Bà Đ cho rằng phần đất tranh chấp bà Đ được cụ S2 cho và bà Đ cho vợ chồng ông S, bà T và ông Thái D mượn đất canh tác nhưng bà Đ không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày này của bà. Mặt khác, gia đình bà T và ông Thái D không thừa nhận có mượn đất của bà Đ mà xác định là phần đất tranh chấp được cụ S2 cho và gia đình ông S, bà T quản lý, sử dụng ổn định liên tục phần đất tranh chấp từ năm 1975 đến nay không xảy ra tranh chấp. Như vậy, có căn cứ xác định phần đất tranh chấp gia đình bà T quản lý, sử dụng ổn định liên tục từ khi được cụ S2 cho đến khi chuyển nhượng cho ông Ngô Hồng V.

[8] Từ những phân tích trên, không có cơ sở xác định cụ S2 đã cho bà Đ phần đất tranh chấp nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ là có căn cứ và đúng quy định pháp luật. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Đ yêu cầu ông V trả phần đất tranh chấp và cũng không chấp nhận kháng cáo của bà Đ cho rằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông V là không đúng quy định. Vì vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà Đ, có căn cứ chấp nhận phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2019/DS-ST ngày 28/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

[9] Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ:

- Khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 163, 164, 166 Bộ luật Dân sự; Điều 203 Luật Đất đai;

- Điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 1, 3 Điều 26; Điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và tiểu mục 1.1 phần II mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016).

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2019/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ đối với ông Ngô Hồng V về việc yêu cầu ông Ngô Hồng V giao trả diện tích đất trồng lúa 1.450m² thuộc thửa số 1694, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại Ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 498626 (Số vào sổ cấp GCN: CH02427) do Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp cho ông Ngô Hồng V vào ngày 17 tháng 4 năm 2014. Đất có vị trí, số đo cụ thể như sau :

- Hướng Đông giáp với đất bà Nguyễn Thị Đ đang sử dụng có số đo 12,2m; 8,5m;

- Hướng Tây là mũi tam giác (góc nhọn) có số đo 0m;

- Hướng Nam giáp kênh thủy lợi có số đo 09m; 43m; 27,5m;

- Hướng Bắc giáp với đất ông Nguyễn Văn H, bà Lê Hồng L, bà Nguyễn Thị Đ có số đo 49,5m; 08m; 21,7m.

2. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), đã nộp xong và chi phí hết.

3. Về án phí:

3.1. Án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Đ đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.500.000 đồng theo Biên lai thu số 0004353 ngày 10/7/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu nên được đối trừ, bà Đ được hoàn lại số tiền 1.200.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Đ phải nộp 300.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Đ đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0013448 ngày 18/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu nay được chuyển thu án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- TAND huyện V (01 bản);
- CCTHADS huyện V (01 bản);
- Các đương sự (18 bản);
- Lưu HS, Tổ HCTP (01 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Cao Thị Túy Giang